

**Phiếu dữ liệu an toàn vật liệu**  
Theo tiêu chuẩn 1907/2006/EC, Khoản 31

In ngày 26.05.2014

Phiên bản số 3

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

**1 Nhận Dạng Hóa chất/Chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc**

- Nhận dạng sản phẩm
- Tên thương mại: **Asoflex AKB-Boden (A-Komp.)**
- Mục đích sử dụng hóa chất hay hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng  
Không có thông tin liên quan.
- Ứng dụng của hóa chất/ hỗn hợp Lớp phủ
- Thông tin chi tiết về nhà cung cấp phiếu dữ liệu an toàn vật liệu
- Nhà sản xuất/Nhà Cung cấp:  
SCHOMBURG GmbH  
Aquafinstr. 2-8  
D-32760 Detmold  
Đức  
-----  
ĐT: ++49 (0)5231/953-00  
Fax: ++49 (0)5231/953-123  
email: info@schomburg.de  
web: www.schomburg.de
- Phòng thông tin:  
Phòng An Toàn Sản Phẩm  
  
ĐT: ++49 (0)5231/953-193  
Fax: ++49 (0)5231/953-106  
email: guido.herfort@schomburg.de

**2 Nhận biết nguy hiểm**

- Phân loại hóa chất hay hỗn hợp
- Phân loại theo Quy định (EC) số 1272/2008



GHS07

Skin Sens. 1 H317 Có thể gây dị ứng trên da.

- Phân loại theo Chỉ thị 67/548/EEC hay Chỉ thị 1999/45/EC



Xi; Gây mẫn cảm

R43: Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da.

- Thông tin về các nguy hiểm cụ thể cho con người và môi trường:  
Không để sản phẩm rò rỉ vào hệ thống thoát nước, các mạch nước hay vào đất.
- Hệ thống phân loại:  
Phân loại phù hợp với các danh mục EC hiện hành. Tuy nhiên, được mở rộng dựa trên các thông tin kỹ thuật và thông tin từ nhà cung cấp.

- Thành phần nhãn
- Dán nhãn theo Quy định (EC) số 1272/2008  
Sản phẩm được phân loại và dán nhãn theo quy định CLP.
- Biểu tượng nguy hiểm GHS07
- Từ báo hiệu Cảnh báo

- Các thành phần cảnh báo nguy hiểm ghi trên nhãn:

ALIPHATISCHER DIMERALKOHOL

- Cảnh báo nguy hiểm

H317 Có thể gây dị ứng trên da.

- Biện pháp phòng ngừa

P261 Tránh hít phải bụi/ hơi/ khí/ bụi sương/ hơi bốc lên/ khí xịt.

P280 Đeo găng tay/ quần áo bảo hộ/ thiết bị bảo vệ mắt/ mặt nạ bảo hộ.

P321 Điều trị đặc biệt (xem trên nhãn sản phẩm).

P363 Giặt sạch quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại.

(Xem tiếp ở trang 2)

In ngày 26.05.2014

Phiên bản số 3

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

Tên thương mại: **Asoflex AKB-Boden (A-Komp.)**

(Tiếp theo trang 1)

P333+P313 Nếu bị kích ứng da hay phát ban: Phải được chăm sóc/ tư vấn y tế.  
P501 Tiêu hủy các thành phần/ thùng chứa theo đúng các quy định của địa phương/ khu vực/ quốc gia/quốc tế.

- Các mối nguy hiểm khác
- **Kết quả thẩm định PBT và vPvB**
- **PBT:** Không áp dụng.
- **vPvB:** Không áp dụng.

### 3 Thành phần / Thông tin về các phụ liệu

- **Đặc tính hóa học: Hỗn hợp**
- **Mô tả:** Hợp phần gốc polyetherpolyole.

- **Các thành phần nguy hiểm:**

ALIPHATISCHER DIMERALKOHOL

2.5-10%

☒ Xi R43

⚠ Skin Sens. 1, H317

### 4 Các biện pháp sơ cứu

- **Mô tả các biện pháp sơ cứu**
- **Thông tin tổng quan** Bảo hộ cá nhân cho nhân viên sơ cứu.
- **Sau khi hít phải** Cung cấp không khí sạch; tham vấn bác sĩ nếu xuất hiện triệu chứng.
- **Sau khi tiếp xúc với da** Rửa sạch ngay bằng nước và xà phòng rồi dội sạch hoàn toàn.
- **Sau khi tiếp xúc với mắt** Mở và rửa sạch mắt trong vài phút dưới dòng nước chảy.
- **Sau khi nuốt phải**  
Không cố gây nôn; tìm hỗ trợ y tế ngay.  
Cho bác sĩ biết nhãn hoặc bao bì đựng sản phẩm.
- **Thông tin dành cho bác sĩ**
- **Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính**  
Không có thông tin liên quan.
- **Dấu hiệu cần phải được chăm sóc y tế và điều trị đặc biệt ngay**  
Không có thông tin liên quan.

### 5 Các biện pháp chữa cháy

- **Các phương tiện chữa cháy**
- **Các chất dập lửa phù hợp**  
CO<sub>2</sub>, bột chữa cháy hoặc phun nước. Dập các đám cháy lớn hơn bằng cách phun tia nước hoặc bằng bột-kháng-côn.
- **Các chất dập lửa không phù hợp vì lý do an toàn** Nước xịt từ vòi phun nước thủy lực
- **Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất hoặc hỗn hợp**  
Có thể tạo thành khí độc khi bị nung nóng hoặc có cháy
- **Chỉ dẫn cho nhân viên chữa cháy**
- **Thiết bị bảo hộ:** Đeo bình khí thở (SCBA)
- **Thông tin bổ sung**  
Tiêu hủy/thải bỏ tàn tích cháy và nước chữa cháy đã nhiễm bẩn theo đúng các quy định chính thức.  
Có nguy cơ cháy-và-nổ do tăng áp suất.  
Trong trường hợp hỏa hoạn, xịt nước làm mát các thùng chứa.

### 6 Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

- **Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn**  
Đưa mọi người ra khỏi vùng nguy hiểm.  
Mặc trang phục bảo hộ. Cách ly những người không được bảo vệ.
- **Bảo vệ môi trường:**  
Không để sản phẩm chảy vào hệ thống thoát nước hay các dòng nước.

(Xem tiếp ở trang 3)

In ngày 26.05.2014

Phiên bản số 3

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

Tên thương mại: **Asoflex AKB-Boden (A-Komp.)**

(Tiếp theo trang 2)

- Dùng để chắn/rào chắn bằng cát, đất hay vật liệu chống thấm khác.
- **Các biện pháp và vật liệu dùng để thu dọn và vệ sinh:**  
Thấm hút bằng các vật liệu có khả năng giữ chất lỏng (cát, đất tảo cát, vữa axit, vữa đa năng, mùn cưa).  
Không dội rửa bằng nước hay bằng các chất làm sạch có chứa nước.
- **Các mục tham khảo khác**  
Xem Mục 7 để biết thông tin về xử lý an toàn.  
Xem Mục 8 để biết thông tin về trang phục bảo hộ lao động.  
Xem Mục 13 để biết thông tin về tiêu hủy.

## 7 Xử lý và Cát giữ

- **Xử lý**
- **Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn** Để xa tầm tay trẻ em.
- **Thông tin về các biện pháp phòng chống cháy nổ:** Không yêu cầu biện pháp đặc biệt nào.
- **Các điều kiện để cất giữ an toàn, bao gồm cả điều kiện không tương thích**
- **Cất giữ**
- **Yêu cầu đối với phòng bảo quản và thùng chứa:**  
Bảo quản ở nơi thoáng mát.  
Chỉ bảo quản trong các thùng chứa gốc đóng kín.
- **Thông tin về việc cất giữ trong điều kiện bảo quản thông thường:**  
Tuân thủ các quy tắc trong Giải pháp-Bảo quản-VCI đối với hóa chất.
- **Thông tin bổ sung về điều kiện cất giữ:**  
Chống đóng băng  
Không nung nóng trên 100 °C.
- **Chỉ định riêng** Không có thông tin liên quan.

## 8 Kiểm soát phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

- **Thông tin bổ sung về thiết kế của các hệ thống kỹ thuật:**  
Phải có sẵn chai nước rửa mắt.  
Phải có điều kiện vệ sinh da ở nơi làm việc.
- **Thông số kiểm soát**
- **Thành phần có các giá trị tới hạn cần phải theo dõi tại nơi làm việc:**  
**26761-40-0 Phthalsäurediisodecylester (< 1%)**  
OES Giá trị dài hạn: 5 mg/m<sup>3</sup>
- **Thông tin bổ sung:** Các danh mục có hiệu lực trong quá trình biên soạn được sử dụng làm thông tin cơ sở.
- **Kiểm soát phơi nhiễm**
- **Thiết bị bảo hộ cá nhân**
- **Tổng quan các biện pháp vệ sinh và bảo hộ**  
Không ăn, uống hay hút thuốc trong khi làm việc.  
Không cất giữ thức ăn ở khu vực làm việc.  
Cởi bỏ ngay quần áo bị nhiễm bẩn và dính sản phẩm.  
Tránh tiếp xúc với da và mắt.  
Đảm bảo vệ sinh da sạch sẽ sau khi làm việc và trước khi nghỉ giải lao.  
Thay quần áo sau khi tan ca.  
Không sử dụng chất pha loãng để làm sạch da.
- **Thiết bị thở:**  
Phải sử dụng bình khí thở (SCBA) nếu thông khí kém hoặc không có đủ bộ lọc thải khí.
- **Bảo vệ tay:** Bảo vệ tay: Găng tay cao su-nitril- latec.
- **Chất liệu găng**  
Việc chọn lựa loại găng tay phù hợp không những chỉ dựa vào chất liệu làm găng mà còn dựa trên các mục tiêu về chất lượng và thay đổi tùy theo nhà sản xuất.

(Xem tiếp ở trang 4)

In ngày 26.05.2014

Phiên bản số 3

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

Tên thương mại: **Asoflex AKB-Boden (A-Komp.)**

(Tiếp theo trang 3)

- **Thời gian thấm của vật liệu làm găng**  
Thời gian mòn thủng chính xác của găng phải do nhà sản xuất cung cấp và phải được theo dõi.
- **Bảo vệ mắt:** Nếu bị bắn tóe, đeo kính bảo hộ có gọng dây.
- **Bảo vệ thân thể:** Mặc quần áo bảo hộ lao động.

## 9 Các đặc tính lý, hóa

- Thông tin về các đặc tính lý, hóa cơ bản
- Thông tin tổng quan
- Trạng thái vật lý:
  - **Thê:** Lỏng
  - **Màu:** Theo đặc tính sản phẩm
  - **Mùi:** Đặc trưng
- Thay đổi trong điều kiện
  - **Nhiệt độ/ Phạm vi nóng chảy:** Chưa được xác định
  - **Điểm sôi/ Phạm vi sôi:** 195 °C
- **Điểm bùng cháy:** > 200 °C
- **Nhiệt độ bắt lửa:** 460 °C
- **Khả năng tự bốc cháy:** Sản phẩm không tự bốc cháy.
- **Nguy cơ cháy nổ:** Sản phẩm không có nguy cơ nổ.
- **Tỷ trọng ở 20 °C** 1.35 g/cm<sup>3</sup>
- **Độ hòa tan trong/ Khả năng hòa lẫn với**
  - **Nước:** Không trộn lẫn được
- **Độ nhớt:**
  - **động ở 20 °C:** 16000 mPas
- **Thông tin khác** Không có thông tin liên quan khác.

## 10 Độ ổn định và Hoạt tính

- Hoạt tính
- **Độ ổn định hóa học**
- **Phân hủy do nhiệt/ các điều kiện cần tránh:**  
Không phân hủy nếu được sử dụng đúng theo chỉ dẫn kỹ thuật.
- **Khả năng xảy ra các phản ứng nguy hiểm** Không có phản ứng nguy hiểm nào được biết đến.
- **Các điều kiện cần tránh** Không có thông tin liên quan.
- **Vật liệu không tương thích:** Không có thông tin liên quan.
- **Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** Không có sản phẩm phân hủy nguy hiểm nào được biết đến.

## 11 Thông tin về độc tính

- Thông tin về các ảnh hưởng độc hại
- **Độc cấp tính:**
  - **Các giá trị LD/LC50 có liên quan tới việc phân loại** Không có dữ liệu.
  - **Tác động kích ứng chính:** Không có tác động kích ứng nào.
  - **trên da:** Không gây kích ứng.
  - **trên mắt:** Không gây kích ứng
  - **Mẫn cảm:** Có thể gây mẫn cảm nếu tiếp xúc với da

(Xem tiếp ở trang 5)

In ngày 26.05.2014

Phiên bản số 3

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

Tên thương mại: **Asoflex AKB-Boden (A-Komp.)**

(Tiếp theo trang 4)

· **Thông tin độc tính bổ sung:**

Sản phẩm không chịu sự phân loại theo phương pháp tính toán trong Hướng dẫn Phân loại Tổng quan cho các Chế phẩm của EC - phiên bản hiện hành mới nhất.

## 12 Thông tin sinh thái

· **Độc tính**

· **Độc tính thủy sinh:** Không có thông tin liên quan.

· **Sự tồn lưu và khả năng phân hủy** Không có thông tin liên quan.

· **Diễn biến trong các hệ môi trường:**

· **Tiềm năng tích lũy sinh học** Không có thông tin liên quan.

· **Độ linh động trong đất** Không có thông tin liên quan.

· **Thông tin sinh thái bổ sung:**

· **Lưu ý chung:**

Phân loại nguy hiểm cho môi trường nước nhóm 1 (Tự đánh giá): gây nguy hiểm nhẹ cho nước. Không để sản phẩm chưa pha loãng (nguyên chất) hay lượng lớn sản phẩm chảy vào hệ thống nước ngầm, các dòng nước và hệ thống thoát nước.

· **Kết quả thẩm định PBT và vPvB**

· **PBT:** Không áp dụng.

· **vPvB:** Không áp dụng.

· **Các ảnh hưởng có hại khác** Không có thông tin liên quan.

## 13 Những lưu ý khi tiêu hủy

· **Các biện pháp xử lý chất thải**

· **Khuyến nghị**

Có thể để chung với rác thải sinh hoạt khi đã đông cứng theo sự tư vấn từ nhà điều hành thiết bị xử lý rác thải và các cơ quan chức năng và tuân thủ các quy trình kỹ thuật cần thiết.

· **Danh mục rác thải Châu Âu**

08 00 00 RÁC THẢI TỪ SẢN XUẤT, CHẾ TẠO, CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG (MFSU) CỦA LỚP PHỦ (SON, VECNI VÀ MEN THỦY TINH), CHẤT KẾT DÍNH, CHẤT BỊT KÍN VÀ MỤC IN

08 04 00 rác thải từ MFSU của chất kết dính và chất bịt kín (bao gồm các sản phẩm chống thấm nước)

08 04 11 cặn chất kết dính và chất bịt kín có chứa các dung môi hữu cơ và các chất nguy hiểm khác.

07 00 00 RÁC THẢI TỪ CÁC QUY TRÌNH HÓA HỌC HỮU CƠ

07 02 00 rác thải từ MFSU của nhựa dẻo, cao su tổng hợp và sợi nhân tạo

07 02 99 rác thải chưa được quy định khác

· **Bao bì chưa làm sạch:**

· **Khuyến nghị:** Phải tiêu hủy theo đúng các quy định chính thức.

## 14 Thông tin về vận chuyển

· **Mã LHQ (UN)**

· **ADR**

Không có thông tin

· **Tên vận chuyển theo quy ước của LHQ**

· **ADR**

Không có thông tin

· **Phân loại nguy hiểm khi vận chuyển**

· **ADR**

· **Phân loại**

Không có thông tin

(Xem tiếp ở trang 6)

In ngày 26.05.2014

Phiên bản số 3

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

Tên thương mại: **Asoflex AKB-Boden (A-Komp.)**

(Tiếp theo trang 5)

· Nhóm đóng gói	
· <b>ADR</b>	Không có thông tin
· Nguy hiểm cho môi trường	
· <b>Ô nhiễm biển:</b>	Không
· Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng	Không áp dụng
· Vận chuyển với khối lượng lớn theo Phụ lục II MARPOL73/78 và Quy tắc IBC	Không áp dụng
· Vận chuyển/ Thông tin bổ sung:	Không nguy hiểm theo các chỉ dẫn kỹ thuật nêu trên.

### 15 Thông tin pháp luật

- Các quy định/pháp chế cụ thể về môi trường, sức khỏe và an toàn lao động đối với hóa chất hay hỗn hợp
- Các quy định của quốc gia
- Hướng dẫn kỹ thuật (không khí):
- **Cấp độ % thành phần**
- II 0.7
- **Phân loại nguy hiểm cho môi trường nước:** Nguy hiểm môi trường nước nhóm 1 (Tự đánh giá): gây nguy hiểm nhẹ cho nước.
- **Thẩm định an toàn hóa chất:** Chưa tiến hành thẩm định an toàn hóa chất.

### 16 Thông tin khác

Dữ liệu này được biên soạn dựa trên các kiến thức mới nhất của chúng tôi. Dữ liệu không tuyên bố sự đảm bảo cho bất kỳ thuộc tính cụ thể nào của sản phẩm và không thiết lập mối quan hệ hợp đồng có giá trị pháp lý nào.

- **Nhóm / Cụm từ liên quan**  
H317 Có thể gây dị ứng trên da.  
R43 Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da.
- **Bộ phận phát hành phiếu dữ liệu kỹ thuật:** Phòng bảo vệ môi trường
- **Liên hệ:** Ông Guido Herfort
- **Từ và cụm từ viết tắt:**  
ADR: Accord européen sur le transport des marchandises dangereuses par Route (Quy Định Vận Tải Đường Bộ Châu Âu Đối Với Hàng Hóa Nguy Hiểm)  
GHS: Hệ Thống Hà Hòa Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhận Hóa Chất  
EINECS: Danh Mục Hóa Chất Thương Mại Hiện Hành Của Châu Âu  
ELINCS: Danh Mục Các Hóa Chất Đã Thông Báo Của Châu Âu  
CAS: Phòng Ngâm Chiết Hóa Chất (cơ quan trực thuộc Hiệp hội Hóa chất Hoa Kỳ)  
LC50: Nồng Độ gây Chết Người, 50%  
LD50: Liều Lượng gây Chết Người, 50%  
Skin Sens. 1: Mẫn cảm - Da, Phân loại nguy hiểm nhóm 1
- **\* Dữ liệu có sửa đổi so với phiên bản trước.**

GB